NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

LỖI DỊCH LIÊN QUAN ĐẾN TỪ HÁN VIỆT TRONG ĐỐI DỊCH HÁN-VIỆT VÀ GIẢI PHÁP TRONG GIẢNG DẠY

PHẠM ĐỨC TRUNG*

TÓM TẮT: Nếu chia lỗi dịch thành ba loại hình là "lỗi ngôn ngữ", "lỗi văn hóa" và "lỗi truyền tải" thì lỗi dịch liên quan đến từ Hán Việt trong đối dịch Hán-Việt thuộc về "lỗi ngôn ngữ". Đây là những lỗi sinh viên thường mắc phải do hiểu sai về từ vựng dẫn đến ý nghĩa của bản dịch không đúng với ý nghĩa của văn bản gốc. Trong nội dung bài viết này chúng tôi phân tích nguyên nhân khiến sinh viên mắc lỗi và đưa ra một số giải pháp trong giảng dạy.

TỪ KHÓA: Đối dịch Hán-Việt; lỗi dịch; phương pháp dịch; từ Hán Việt; phương pháp giảng dạy.
NHẬN BÀI: 27/3/2020. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/4/2020

1. Định nghĩa và phân loại lỗi dịch

Lỗi dịch có vai trò quan trọng trong giảng dạy dịch nên cũng là vấn đề được nhiều người quan tâm nghiên cứu, nhưng đến nay vấn đề định nghĩa về lỗi dịch vẫn còn là một vấn đề chưa được thống nhất và tranh luận chưa ngã ngũ. Chủ yếu các nhà nghiên cứu vẫn chỉ dừng lại ở việc miêu tả về giới hạn phạm vi của lỗi dịch và từ đó phân loại các loại hình lỗi dịch theo quan điểm của cá nhân.

Sigrid Kupsch-loserer (1985) cho rằng, lỗi dịch là những lỗi vi phạm về các vấn đề sau trong bản dịch: 1) chức năng của bản dịch; 2) tính liền mạch của văn bản; 3) thể loại hình thức và văn phong của văn bản; 4) ngôn ngữ truyền thống; 5) đặc điểm văn hóa và ngữ cảnh; 6) hệ thống ngôn ngữ. theo Anthony Pym (1992), lỗi dịch bao gồm cả các lỗi về ngôn ngữ, ngữ dụng và văn hóa. Tác giả chia lỗi dịch thành hai loại: 1) lỗi mang tính nhị nguyên (binary error: 二元性错误); 2) lỗi không mang tính nhị nguyên (non-binary error: 非二元性错误).

"Nhị nguyên" là chỉ hai yếu tố để đánh giá là "đúng" và "sai" khi đánh giá văn bản dịch. Lỗi mang tính nhị nguyên là lỗi đánh giá bản dịch là "dịch sai" hay "dịch đúng" (giúp đưa ra nhận định "dịch sai rồi"). Lỗi dịch loại này chỉ đơn thuần là lỗi về ngôn ngữ, ví dụ như hiểu sai về từ vựng hay cú pháp dẫn đến ý nghĩa của bản dịch không đúng với ý nghĩa của văn bản gốc. Nguyên nhân dẫn đến lỗi dịch này là do trình độ về ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ) của người dịch chưa tốt. Lỗi không mang tính nhị nguyên là lỗi mà phạm vi và yếu tố để đánh giá một bản dịch không chỉ có nói về việc đúng hay sai mà là đánh giá bản dịch tốt hay chưa tốt (ý đúng rồi, nhưng dịch chưa tốt, dịch chưa hay). Ở lỗi dịch này, người dịch hiểu được ý nghĩa của văn bản gốc nhưng biểu đạt chưa tốt, chưa rõ ý. Ví dụ như dịch không thoát ý vì quá bám vào ý nghĩa mặt chữ/ từ (word for word; 字面翻译; 逐字逐句翻译) hay dịch không đúng phong cách văn bản dẫn đến việc tạo nên các bản dịch chưa thoát ý, chưa đủ ý hay có cách diễn đạt ngô nghê, lai căng không giống với cách biểu đạt của ngôn ngữ đích do bị ảnh hưởng bởi văn bản gốc. Đánh giá lỗi dịch này thường mang tính chủ quan, nhưng đây mới chính là lỗi dịch đúng nghĩa, khi mắc lỗi này người dịch đã chưa biết hoặc vận dụng sai các kĩ năng dịch khiến cho bản dịch chưa "trung thành với bản gốc" và "diễn đạt chưa lưu loát, trôi chảy, trong sáng".

Từ góc độ lí thuyết dịch chức năng, Nord (1997) cho rằng, lỗi dịch nhất thiết phải được giới hạn và xác định từ quá trình dịch và mục đích của sản phẩm dịch. Từ đó, tác giả phân chia lỗi dịch thành các loại như: 1) lỗi dịch ngữ dụng; 2) lỗi về văn hóa; 3) lỗi về ngôn ngữ; 4) lỗi khi dịch các văn bản đặc thù.

Dương Sĩ Chương (杨仕章 2005) cho rằng, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lỗi dịch là do hiểu sai văn bản gốc dẫn đến dịch sai về ngôn ngữ và chia lỗi dịch ra thành các loại hình như: lỗi dịch từ vựng, lỗi dịch ngữ (từ tổ), lỗi dịch về câu và lỗi dịch về liên kết đoạn. Từ góc độ tri nhận, Hứa Kiến Trung (许建忠 2010) đã định nghĩa lỗi dịch là những tri nhận và hành động không phù hợp với quy luật hoặc bối cảnh khách quan trong một hoạt động dịch. Nguyễn Hải Hà, Chu Thị Huyền Mi, Trần Thị Bích Ngọc (2015) trong bài viết *"Các lỗi thường gặp trong bài dịch của sinh viên: nghiên cứu trường hợp tại Khoa Sư phạm tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội"* đã phân loại các lỗi dịch thành ba nhóm chính là lỗi ngôn ngữ,

* *TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội; Email: fan_dezhong@hotmail.com*

lỗi lĩnh hội và lỗi truyền tải. Trong đó lỗi ngôn ngữ bao gồm các lỗi: chọn từ không phù hợp; chọn từ đồng nghĩa không phù hợp; chọn giới từ không thích hợp; nhầm lẫn cách dùng tính từ, trạng từ; lược bỏ hình thức số nhiều; lỗi cấu trúc. Lỗi truyền tải bao gồm: lỗi về ngữ dụng; lỗi bỏ một phần thông tin; diễn giải không chuẩn xác một cụm từ hay thành ngữ.

Tổng hợp từ các quan điểm về lỗi dịch đã phân tích ở trên, trong bài viết này, chúng tôi chia lỗi dịch ra làm ba loại: lỗi ngôn ngữ, lỗi văn hóa và lỗi truyền tải. Nếu chia quá trình dịch thành hai giai đoạn là quá trình "hiểu" (văn bản gốc) và quá trình "diễn đạt" (sang ngôn ngữ đích) thì lỗi ngôn ngữ thuộc quá trình "hiểu" (không hiểu dẫn đến dịch sai); lỗi văn hóa liên quan đến cả hai giai đoạn "hiểu" và "diễn đạt" (không hiểu dẫn đến dịch sai; hiểu nhưng không biết diễn đạt hoặc diễn đạt sai); lỗi truyền tải là lỗi thuộc quá trình "diễn đạt" (hiểu nhưng không biết diễn đạt hoặc diễn đạt không hay). Lỗi dịch về ngôn ngữ bao gồm các lỗi dịch từ, dịch ngữ và dịch câu. Lỗi dịch về văn hóa bao gồm lỗi dịch liên quan đến "khoảng trống văn hóa" (có ở ngôn ngữ này nhưng không có ở ngôn ngữ kia và ngược lại) và "xung đột văn hóa" (không đồng nhất với nhau hoặc trái ngược nhau); Lỗi truyền tải là lỗi thuộc quá trình "diễn đạt" (hiểu nhưng không biết diễn đạt hoặc diễn đạt không hay). Lỗi truyền tải thường bao gồm lỗi tư duy tiếng mẹ đẻ, lỗi dịch mặt chữ và lỗi ngữ dụng.

2. Lỗi dịch liên quan đến từ Hán Việt

Trong tiếng Việt, từ Hán Việt chiếm một tỉ lệ rất lớn và trong đó có không ít từ Hán Việt vẫn giữ nguyên ý nghĩa gốc và cách dùng của nó trong tiếng Hán, do vậy có thể dùng để dịch trực tiếp sang tiếng Hán và ngược lại. Ví dụ:

Từ Hán	Từ Hán Việt	Từ Hán	Từ Hán Việt
独立	độc lập	地理	địa lí
自由	tdo	首都	thủ đô
幸福	hạnh phúc	合作社	hợp tác xã
历史	lịch sử	资本主义	chủ nghĩa Tư bản

Chính vì vậy, không ít người học tiếng Hán khi gặp khó khăn về từ vựng trong dịch thường nghĩ ngay tới âm Hán Việt và từ Hán Việt như một biện pháp giải quyết hữu hiệu. Nhưng từ Hán Việt là từ vựng của tiếng Việt không hoàn toàn tương đương với các từ trong tiếng Hán. Nếu chúng ta dựa vào từ Hán Việt để giải quyết vấn đề từ vựng trong dịch thì sẽ là một "thảm họa" vì từ Hán Việt chính là hiện tượng "bạn giả" (假朋友; False friend) trong dịch thuật. Trong quá trình tổng hợp và thống kê các lỗi dịch của người học, chúng tôi thấy họ thường mắc một số lỗi dịch từ liên quan đến âm Hán Việt, từ Hán Việt dưới đây:

(1) *Tổng thống Hungary cũng mong muốn Việt Nam* ***hỗ trợ*** *và làm cầu nối để Hungary tăng cường quan hệ với ASEAN và các nước thành viên của tổ chức này.*

Lỗi dịch: 匈牙利总统亦希望越南**互助**，并成为匈牙利与东盟各国加强合作关系的重要桥梁。

Trong ví dụ (1), người học đã cho rằng "hỗ trợ" nên được dịch là "互助" (ghép chữ một cách cơ học). Đây là lỗi thường thấy và cũng là lỗi nghiêm trọng nhất do dựa vào âm Hán Việt để xử lí vấn đề từ vựng khi dịch. Ví dụ:

(2) *Phần lớn các* ***tư dinh*** *của quan lại, những phủ đệ của Hoàng thân Quốc thích, nhà cửa của các tao nhân mặc khách đều tập trung ở một số phường xóm ven kinh thành.*

Lỗi dịch: 官员的**私营**、皇亲国戚府第以及文人墨客的住宅大多数集中在京城郊外的乡镇。

(3) *Việc* ***vi phạm*** *trong vùng 12 hải lí, tức là xâm phạm chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.*

Lỗi dịch: **违犯** 12 海里水域则是侵犯该国主权和领土完整。

Khi dịch từ Hán sang Việt, học sinh cũng thường mắc lỗi như vậy. Ví dụ:

(4) 有**消极**的让，就是请别人先夹菜，让别人多吃好东西；还有**积极**地让，就是主动把好东西夹到别人的碟子、饭碗里。

Lỗi dịch: *Cách nhường* ***tiêu cực****, chính là mời người khác gắp thức ăn của họ, cho người khác ăn nhiều thức ăn ngon hơn; Còn cách nhường thức ăn* ***tích cực*** *hơn, chính là tự mình gắp thức ăn ngon vào bát, vào đĩa của người khác.*

Các ví dụ (1) ,(2) ,(3) ,(4) là những lỗi sai do người học vào âm Hán Việt để tìm từ khi dịch từ Hán sang Việt hoặc từ Việt sang Hán. Cách làm như vậy dẫn đến việc những từ được tạo nên có thể là không có ý nghĩa ở ngôn ngữ đích hoặc mang ý nghĩa khác không phù hợp với ngữ cảnh của câu cần dịch.

Bên cạnh đó, trong quá trình hình thành và phát triển, nghĩa của từ Hán Việt còn được mở rộng hoặc thu hẹp hơn so với chúng trong tiếng Hán. Nói cách khác là nét nghĩa của từ Hán Việt trong tiếng Việt có thể giảm bớt đi hay tăng thêm so với chúng tiếng Hán. Chính vì vậy nếu người học không nắm rõ vấn đề này thì mắc lỗi sai là điều dễ hiểu. Ví dụ:

(5) 他成绩全班第一，父母为此感到很**骄傲**。

Lỗi dịch: *Thành tích học tập của nó đứng đầu lớp, bố mẹ nó rất **cao ngạo tự đắc** về điều này.* (Nên dùng từ: tự hào, hãnh diện)

Trong tiếng Hán 骄傲 (âm Hán Việt "*kiêu ngạo*") có hai nghĩa: nghĩa tốt (tự hào, hãnh diện, vinh dự) và nghĩa xấu (kiêu ngạo kiêu căng tự phụ). Ở ví dụ (5) từ 骄傲 được sử dụng với nghĩa tốt nhưng người học đã hiểu là nghĩa xấu. Việc xác định được trong trường hợp nào dùng với nghĩa xấu, trường hợp nào dùng với nghĩa tốt cần phải dựa trên ngữ cảm và ngữ cảnh để xác định. Ví dụ:

(6) 刚取得一点小成绩就**骄傲**的人是不可能有更大的进步的。

*Những người mới có chút thành tích mà đã **kiêu căng tự phụ** thì không thể tiến bộ hơn được.*

(7) 我为我们班取得体育的好成绩而**骄傲**。

*Thầy rất **tự hào** vì thành tích tốt ở môn thể dục của lớp chúng ta.*

(8) 刘翔是中国体育的**骄傲**。

*Lưu Tường là niềm **kiêu hãnh và tự hào** của thể thao Trung Quốc.*

(9) 这孩子可夸不得，一夸就**骄傲**。

*Đứa bé này không nên khen nó, hễ khen là lại **kiêu**.*

Ví dụ (6) và (9) 骄傲được dùng với nghĩa xấu, theo đó, tiếng Việt sẽ là "kiêu căng", " tự phụ", "kiêu", "lên mặt"; ở ví dụ (7), (8) dùng với nghĩa tốt nên tiếng Việt phải là "tự hào" .

Bên cạnh đó, không ít từ Hán Việt có nghĩa và cách dùng đã được mở rộng hơn so với chúng trong tiếng Hán. Đây chính là một khó khăn không nhỏ cho người học khi dịch từ Việt sang Hán, và lẽ đương nhiên lỗi dịch của học sinh trong trường hợp này cũng có số lượng nhiều nhất. Ví dụ:

(10) *Trong quá trình **thực hiện** hợp đồng, nếu hai bên có phát sinh tranh chấp thì cần phải thông qua trao đổi thương lượng để tìm biện pháp giải quyết.*

Lỗi dịch: **实现**合同期间，如果发生纠纷，双方要通过商量和和解方式来解决。(nên dùng từ: 履行)

(11) *Buổi bảo vệ luận văn thạc sĩ được chuyển sang thứ tư tuần sau.*

Lỗi dịch: 举办硕士论文**保护**仪式的时间转为下星期三。(nên dịch:论文**答辩**会)

(12) *Việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.*

Lỗi dịch: 保护和**发挥**少数民族文化是我们的一项迫切任务。(nên dùng từ: 传承、弘扬)

Trong các ví dụ (10), (11), (12) các từ "thực hiện", "bảo vệ", "phát huy" trong tiếng Việt đã được mở rộng hơn về ý nghĩa và cách dùng. Trong tiếng Việt, "thực hiện" được dùng trong các trường hợp như "thực hiện hợp đồng", "thực hiện chỉ đạo", "thực hiện chương trình"; "bảo vệ" được dùng trong các trường hợp như "bảo vệ luận văn", "bảo vệ môi trường", "bảo vệ an ninh tổ quốc"; "phát huy" được dùng trong các trường hợp như "phát huy vai trò lãnh đạo", "phát huy tinh thần dân tộc", "phát huy truyền thống văn hóa dân tộc" nhưng trong tiếng Hán ở mỗi cách vận dụng hay diễn đạt đều có những từ riêng để biểu đạt ý "phát huy", "thực hiện", "bảo vệ" trong tiếng Việt vừa được nói đến ở trên.

Ngoài ra, từ Hán Việt trong quá trình hình thành và phát triển của mình đã mang ý nghĩa và cách dùng khác so với từ gốc trong tiếng Hán. Khi gặp phải hiện tượng này, người học cũng gặp rất nhiều khó khăn và mắc lỗi sai. Ví dụ:

(13) *Bảo vệ **an ninh** Tổ quốc.*

Lỗi dịch: 保护国家**安宁**。（từ nên dùng: 安全）

(14) *Nhận lời mời của Tổng thống Barack Obama, **Tổng Bí thư** Nguyễn Phú Trọng và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã thăm chính thức Hợp chủng quốc Hoa Kỳ từ ngày 6 đến 10/7.*

Lỗi dịch: 应美国总统的邀请，阮富仲**总秘书**和越南高级代表团 7 月 6 号到 10 号对美国进行正式访问。(từ nên dùng: 总书记).

(15) *Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân, Giám đốc điều hành Marketing, Công ty CP Sữa VN Vinamilk khi trả lời **phỏng vấn** đã cho biết*

Lỗi dịch: 越南牛奶制品股份公司营销执行经理阮友玉珍女士接受**访问**时回答说。(nên dùng từ: 采访)

(16) *Hai bên không nên làm phức tạp thêm những **tranh chấp** trong bản hợp đồng này mà nên ngồi lại tìm hướng giải quyết.*

Lỗi dịch: 双方不应该复杂化该合同的**争执**，而应该坐下来想办法解决。(nên dùng từ : 纠纷。“双方不应该使本合的纠纷复杂化，而应该坐下来想办法解决。”)

3. Giải pháp trong giảng dạy

Để giúp người học khắc phục được lỗi dịch từ liên quan đến từ Hán Việt như đã nói ở trên, trước hết chúng ta cần trang bị cho họ các kiến thức liên quan đến từ Hán Việt, giúp họ hiểu và nhận thức được rằng từ Hán Việt nếu đối chiếu với chúng trong tiếng Hán có thể phân làm 3 loại: 1) có nghĩa và cách dùng giống nhau; 2) ý nghĩa và cách dùng mở rộng/ thu hẹp hơn; 3) có nghĩa và cách dùng không giống nhau .

Đối với loại thứ nhất chúng ta có thể sử dụng để chuyển dịch trực tiếp được từ Hán sang Việt và ngược lại. Đối với loại thứ hai và thứ ba cần hiểu rõ về ý nghĩa thay đổi hoặc mở rộng hay thu hẹp của từ Hán Việt để vận dụng một cách hợp lí. Muốn làm được điều này cần phải xây dựng được kho dữ liệu liên quan đến từ Hán Việt theo 3 loại hình trên để có thể tích lũy ngày càng nhiều lượng từ Hán Việt và sử dụng một cách hợp lí trong quá trình dịch. “Kho dữ liệu” này giảng viên có thể làm và cung cấp cho người học hoặc hướng dẫn học sinh làm để tự xây dựng một kho dữ liệu về từ Hán Việt riêng cho mình. Chẳng hạn:

Bảng đối chiếu ý nghĩa và cách dùng của từ Hán Việt với từ gốc Hán

Từ có ý nghĩa và cách dùng giống nhau			
STT	**Từ Hán Việt**	**Từ Hán**	**Ghi chú**
1	Nghiên cứu	研究 (Nghiên cứu)	Nghĩa giống nhau
2	Nhiệm kì	任期 (Nhiệm kì)	Nghĩa giống nhau
3	Chu đáo	周到 (Chu đáo)	Nghĩa giống nhau
4	Đạo đức	道德 (Đạo đức)	Nghĩa giống nhau
5	Kỉ lục	记录 (Kỉ lục)	Nghĩa giống nhau
…	……	……	……

Từ có ý nghĩa và cách dùng mở rộng/ thu hẹp hơn			
STT	**Từ Hán Việt**	**Từ Hán**	**Ghi chú**
1	Kiêu ngạo （kiêu căng, tự phụ, không khiêm tốn）	骄傲 Tự hào (nghĩa tốt) Kiêu ngạo (nghĩa xấu)	Thu hẹp nghĩa
2	Bảo vệ (nhân viên bảo vệ: 保安；Bảo vệ môi trường: 保护环境；Bảo vệ luận 论文答辩)	保护(Bảo vệ)	Mở rộng nghĩa
3	Phát huy (Phát huy vai trò lãnh đạo: 发挥领导作用；Phát huy tinh thần yêu nước: 发扬爱国精神；Phát huy truyền thống văn hóa 传承传统文化)	发挥 (Phát huy)	Mở rộng nghĩa và cách dùng
4	Thực hiện (Thực hiện hợp đồng: 履行合同；Chương trình do VTV3 thực hiện: 由VTV3 承办; Thực hiện mục tiêu: 实现目标; Thực hiện phương án: 实施方案;Thực hiện quy định 实行规定)	实现 (Thực hiện)	Mở rộng nghĩa và cách dùng
5	Phổ biến (Phổ biến kinh nghiệm：推广经验; Phổ biến chỉ thị mệnh lệnh： 传达指	普遍 (Phổ biến)	Mở rộng nghĩa và cách dùng

	示、命令; Hiện tượng phổ biến: 普遍现象)		
…	……	……	……

Từ có ý nghĩa và cách dùng thay đổi

STT	Từ Hán Việt	Từ Hán	Ghi chú
1	Thư kí	书记 (Bí thư)	Nghĩa khác nhau
2	Bí thư	秘书(Thư kí)	Nghĩa khác nhau
3	Phỏng vấn	访问(Đi thăm)	Nghĩa khác nhau
4	Cử nhân	举人(người đậu thi Hương theo chế độ khoa cử xưa)	Nghĩa khác nhau
5	Khẩn trương	紧张(Lo lắng, hồi hộp)	Nghĩa khác nhau
…	……	……	……

4. Kết luận

Trong quá trình học dịch, người học không thể tránh khỏi việc sẽ mắc những lỗi sai trong dịch thuật. Chính vì vậy lỗi dịch chính là vấn đề mà người giảng viên tham gia giảng dạy dịch cần đối mặt và cần quan tâm để có thể giúp người học và nâng cao được hiệu quả của mình trong giảng dạy. Lỗi dịch sẽ phản ánh rõ nhất những vấn đề còn thiếu của sinh viên, và là đối tượng để giảng viên có thể nghiên cứu và vận dụng thành quả nghiên cứu trong công việc của mình, điều chỉnh giáo án và phương pháp giảng dạy, tập trung vào các lỗi sai mang tính hệ thống từ đó có biện pháp để giúp đỡ sinh viên nhận biết được những nguyên nhân dẫn đến lỗi sai và có được biện pháp khắc phục, nâng cao khả năng dịch của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Jeremy Munday (2009), *Nhập môn nghiên cứu dịch thuật - Lí thuyết và ứng dụng*. Nxb Tri thức. (Trịnh Lữ dịch).
2. Nguyễn Ngọc Long (2009), *Đặc điểm đối dịch tiếng Hán và tiếng Việt hiện đại*. Luận án tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ học.
3. Đinh Hồng Vân (2012), "Dịch ngôn ngữ và dịch ngôn bản". Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 10.
4. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.

Nguyễn Hải Hà, Chu Thị Huyền Mi, Trần Thị Bích Ngọc (2015), "Các lỗi thường gặp trong bài dịch của sinh viên: nghiên cứu trường hợp tại khoa sư phạm tiếng Anh Đại học Ngoại ngữ Đại học Quốc gia Hà Nội". Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 7.

Tiếng Hán:

5. 杨仕章(2005), *翻译教学中的误译分析*[J].解放军外国语学院学报. 河南。
6. 彭坚;李勇(2006), *从翻译错误中看社交语用失误*[J].中国科技信息.北京。
7. 许建忠.*翻译错误价值论*[J].上海翻译, 01/2010.
8. 王军平(2014), *翻译错误的界定、评估以及对翻译教学的启示——一个功能主义的视角*[J]. 外语研究(3).江苏。

Translation errors related to Sino-Vietnamese words in the Sino-Vietnamese translation and solutions in teaching

Abstract: If translation errors are divided into three categories: "language errors", "cultural errors" and "communication errors", the translation errors related to the Sino-Vietnamese words in the Sino-Vietnamese translation belongs to "language errors". These are the mistakes that students often make because of vocabulary misunderstanding, causing the meaning of the translation not in accordance with that of the source text. In this article, we analyze the reasons why students make these mistakes and offer some solutions in teaching.

Key words: Chinese-Vietnamese translation; translation errors; translation methods; Sino-Vietnamese words; teaching methods.